

Bản án số: 39/2025/HSST
Ngày: 23/09/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, ông: Lò Xuân Hải.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông: Lù Thanh Xá.

Ông: Nguyễn Xuân Định.

- Thư ký phiên tòa, bà: Lâm Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân kv 4 - L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân kv 4 - L, tham gia phiên tòa, ông:
Lương Gia Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân kv 4 - L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2025/TL-ST-HS, ngày 21 tháng 08 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 09 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/HSST-QĐ ngày 16/09/2025 của Tòa án nhân dân kv 4 - L, đối với bị cáo.

- Lầu Vả T: Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/01/1947; tại: Huyện S, tỉnh L; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Bản H, xã C, huyện N, tỉnh L (nay là: Bản H, xã M, tỉnh L); số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 012047000051; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; đảng, đoàn: Không; con ông Lầu A L (đã chết) và con bà Giàng Thị M (đã chết); vợ Sùng Thị C (đã chết); con, có 05 con: Con lớn nhất sinh năm 1964, con nhỏ nhất sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân chưa bị xử lý; bị bắt tạm giữ từ ngày 25/04/2025 tại phân trại khu vực N, thuộc trại tạm giam Công an tỉnh L, cho đến ngày 03/05/2025, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, tỉnh L - Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lầu Vả T, ông: Lê Mạnh Hùng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 09/2024, Lầu Vả T đã gieo hạt giống cây Thuốc phiện trên lán nương của mình tại khu vực giáp danh giữa bản P và bản H, xã C, huyện N, không cho ai biết. Đến tháng 02/2025 khi cây ra hoa và quả, T dùng 02 thanh kim loại mỏng gắn vào đầu 01 thanh tre dùng dây thừng

buộc lại để rạch vỏ quả Thuốc phiện lấy nhựa. Cuối tháng 03/2025 sau khi thu hoạch xong, T nhỏ toàn bộ số cây Thuốc phiện vứt đi, số nhựa Thuốc phiện thì T bỏ vào 01 cái bát bằng kim loại rồi cất giấu ở trên lán nương để sử dụng dần. Khoảng 17 giờ ngày 24/04/2025, T lấy số nhựa Thuốc phiện bỏ vào 01 túi được làm bằng vỏ bao gạo cũ rồi đi về nhà ở bản H, đến hồi 20 giờ 10 phút cùng ngày, khi T vừa về đến nhà thì tổ công tác Công an xã C đến kiểm tra, qua kiểm tra tổ công tác phát hiện trong 01 túi vỏ bao gạo mà T đang cầm trên tay có 01 bát bằng kim loại, bên ngoài chiếc bát được gói bằng 01 mảnh nilon màu hồng, bên trong bát có nhựa Thuốc phiện có khối lượng 148,83 gam. T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã mô tả như trên, tổ công tác lập biên bản thu giữ toàn bộ vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại kết luận giám định số: 346/GĐ-KTHS ngày 28/04/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận: Số chất dẻo, màu nâu thu giữ của Lầu Vả T có khối lượng là 148,83 gam. Mẫu chất dẻo, màu nâu gửi giám định là ma túy, loại Thuốc phiện.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKS-KV4 ngày 20 tháng 08 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân kv 4 - L, truy tố Lầu Vả T về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân kv 4 - L, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý:

- *Về trách nhiệm hình sự*: Đối với Lầu Vả T về tội danh "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt chính*: Áp dụng Điều 38; Điều 50; điểm b khoản 1 Điều 249; điểm o, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lầu Vả T, tù: 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

- *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, do điều kiện kinh tế của bị cáo.

- *Về vật chứng*: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 120,88 gam Thuốc phiện còn lại sau giám định, đây là vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành và 01 mảnh nilon màu hồng; 01 cái bát bằng kim loại; 01 vỏ bì niêm phong ban đầu; 01 túi được làm bằng vỏ bao đựng gạo; 01 ống nứa được đục 02 lỗ ở gần hai đầu; 02 thanh kim loại (*01 thanh một đầu nhọn, một đầu bẹp; 01 thanh một đầu nhọn, một đầu xoắn*); 01 thanh tre ở một đầu có hai mảnh kim loại được buộc bằng dây thừng, đây là những công cụ của bị cáo Lầu Vả T dùng vào việc phạm tội.

+ Đối với 27,95 gam Thuốc phiện đã trích làm mẫu gửi giám định, không hoàn lại đối tượng giám định, nên không đề cập xử lý.

- *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích tính chất, hành vi, mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo Lầu Vả T, người bào chữa cũng đồng ý với nội dung bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân kv 4 - L, về tội danh "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự điểm o, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự; xử lý vật chứng; miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra việc bị cáo khai báo là hoàn toàn tự nguyện, không bị mớm cung, ép cung, bị cáo không khiếu nại gì về quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Sau khi tranh luận Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên mức hình phạt chính như đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được cơ quan tiến hành tố tụng thu thập có trong hồ sơ vụ án như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 20 giờ 10 phút ngày 24/04/2025, tại nhà ở của Lầu Vả T thuộc bản H, xã C, huyện N, tỉnh L (*nay là bản H, xã M, tỉnh L*). Lầu Vả T đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 148,83 gam Thuốc phiện để sử dụng thì bị tổ công tác Công an xã C, huyện N (*nay là Công an xã M, tỉnh L*) phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", vì vậy Viện kiểm sát nhân dân kv 4 - L đã truy tố bị cáo về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, bị cáo không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2]. Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, bị cáo hiểu được điều đó nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội và gia đình. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Lầu Vả T luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi

phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần được xem xét áp dụng cho bị cáo. Khi phạm tội bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên (*78 tuổi*), đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “*Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên*” cần được xem xét áp dụng cho bị cáo. Xét thấy: Bị cáo là người dân tộc thiểu số (*dân tộc Mông*), tuổi cao, nhận thức pháp luật còn hạn chế, sinh sống ở bản H, xã M thuộc tỉnh L, là tỉnh biên giới phía bắc có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, đây là tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét áp dụng cho bị cáo.

[4]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lầu Vả T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Về nhân thân bị cáo Lầu Vả T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, từ nhỏ không được đi học, lớn lên ở nhà tham gia lao động sản xuất (*làm ruộng*) tại địa phương, nhận thức pháp luật hạn chế, là người sử dụng chất ma túy lâu năm. Bị cáo nhận thức rõ được hành vi tàng trữ chất ma túy của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng chất ma túy của bản thân nên đã cố ý phạm tội.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 triệu đồng, xét thấy: Bị cáo là người dân tộc thiểu số (*dân tộc Mông*), nhận thức pháp luật còn hạn chế, là người đủ 70 tuổi trở lên, là người sử dụng chất ma túy lâu năm, nghề nghiệp làm ruộng, bố, mẹ và vợ đã chết hết, sinh sống ở bản H, xã M thuộc tỉnh L, là tỉnh biên giới phía bắc có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[7]. Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy:

- 120,88 gam Thuốc phiện còn lại sau giám định, đây là vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành.

- 01 mảnh nilon màu hồng; 01 cái bát bằng kim loại; 01 vỏ bì niêm phong ban đầu; 01 túi được làm bằng vỏ bao đựng gạo; 01 ống nứa được đục 02 lỗ ở gần hai đầu; 02 thanh kim loại (*01 thanh một đầu nhọn, một đầu bẹp; 01 thanh một đầu nhọn, một đầu xoắn*); 01 thanh tre ở một đầu có hai mảnh kim loại được buộc bằng dây thừng, đây là những công cụ của bị cáo Lầu Vả T dùng vào việc phạm tội.

- Đối với 27,95 gam Thuốc phiện đã trích làm mẫu gửi giám định, không hoàn lại đối tượng giám định, nên không đề cập xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm, xét thấy: Bị cáo Lầu Vả T là người dân tộc thiểu số (*dân tộc Mông*), nhận thức pháp luật còn hạn chế, là người đủ 70 tuổi

trở lên, là người sử dụng chất ma túy lâu năm, nghề nghiệp làm ruộng, bố, mẹ và vợ đã chết hết, sinh sống ở bản H, xã M thuộc tỉnh L, là tỉnh biên giới phía bắc có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lầu Vả T, theo quy định của pháp luật.

[9]. Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khách quan và căn cứ pháp lý để kết luận: Bị cáo Lầu Vả T đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; do vậy ý kiến của Kiểm sát viên và của người bào chữa tại phiên tòa, về: Tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm o, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự, xử lý vật chứng, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo là có cơ sở đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Đối với hành vi trồng cây Thuốc Phiện. Quá trình điều tra, khám nghiệm hiện trường không phát hiện và xác định được công cụ, phương tiện dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy và số lượng cây Thuốc phiện mà Lầu Vả T đã trồng nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Lầu Vả T về tội “*Trồng cây Thuốc phiện*” và tội “*Sản xuất trái phép chất ma túy*”. Viện kiểm sát nhân dân kv 4 - L không truy tố bị cáo Lầu Vả T về các tội danh này. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố bị cáo: Lầu Vả T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

- Căn cứ vào Điều 38; Điều 50; điểm s, điểm o khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lầu Vả T: 01 năm 06 tháng tù. Được khấu trừ 09 (chín) ngày tạm giữ kể từ ngày 25/04/2025 đến ngày 03/05/2025. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự: Không áp dụng đối với bị cáo Lầu Vả T.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy:

+. 120,88 gam Thuốc phiện còn lại sau giám định, đây là vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành.

+. 01 mảnh nilon màu hồng; 01 cái bát bằng kim loại; 01 vỏ bì niêm phong ban đầu; 01 túi được làm bằng vỏ bao đựng gạo; 01 ống nứa được đục 02 lỗ ở gần hai đầu; 02 thanh kim loại (01 thanh một đầu nhọn, một đầu bẹp; 01 thanh một đầu nhọn, một đầu xoắn); 01 thanh tre ở một đầu có hai mảnh kim loại được

buộc bằng dây thừng, đây là những công cụ của bị cáo Lầu Vả T dùng vào việc phạm tội.

+ Đối với 27,95 gam Thuốc phiện đã trích làm mẫu gửi giám định, không hoàn lại đối tượng giám định, nên không đề cập xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lầu Vả T.

- Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSNDKV4-L;
- CQCSĐT-CA tỉnh L;
- Cơ quan THAHS-CA tỉnh L;
- Trại tạm giam CA tỉnh L;
- Phân trại khu vực M;
- Phòng THADS KV4-L;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lò Xuân Hải